

## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HIỆN NAY

Lê Thị Huyền

*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hồng Đức*

**Tóm tắt.** Nhân cách nói chung, năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non nói riêng, được hình thành và phát triển qua các giai đoạn học tập và hoạt động nghề nghiệp. Mỗi giai đoạn sẽ hình thành những năng lực cần thiết. Bài viết trên cơ sở làm rõ những năng lực nghề nghiệp cần rèn luyện cho sinh viên Mầm non trong quá trình đào tạo, từ đó đề xuất những giải pháp về cải tiến chương trình và tổ chức thực hiện chương trình; đổi mới trong công tác thực hành, kiến tập cho sinh viên; xây dựng môi trường dạy và học tích cực,... nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hồng Đức, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

**Từ khóa:** nghiệp vụ sư phạm, năng lực nghề nghiệp, phát triển năng lực nghề nghiệp, sinh viên mầm non.

### 1. Mở đầu

Nếu dạy học truyền thống chú trọng cung cấp tri thức, kỹ năng, kỹ xảo thì dạy học hiện đại chú trọng hình thành các năng lực nghề nghiệp (NLNN). Hội nghị Trung ương khóa 8 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006 – 2020, trong đó nhấn mạnh “Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học và sau đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội...”. NLNN của giáo viên mầm non (GVMN) là mắt xích then chốt, là con đường quan trọng để phát triển chất lượng giáo dục mầm non. Các nghiên cứu trên thế giới cũng đã đề cập đến vấn đề này, Liang, Y. tin cho rằng, sự phát triển nghề nghiệp của GVMN là một quá trình hoạt động liên tục từ học hỏi kiến thức chuyên môn, tiếp thu các kỹ năng nghề nghiệp và hình thành thái độ nghề nghiệp tốt của GVMN, nhằm đạt được mục tiêu phát triển nghề nghiệp của họ [1]. Yu, F. hiểu sự phát triển nghề nghiệp của GVMN là một quá trình phát triển nghề nghiệp cá nhân qua quá trình học tập liên tục từ các cấp đến chuyên nghiệp [2]. Chen, J.J. nghiên cứu phát triển nghề nghiệp GVMN đã đề cập đến quá trình GVMN từng bước trưởng thành các kỹ năng giảng dạy và hiểu biết về giáo dục trẻ thông qua nỗ lực cá nhân trong quá trình được đào tạo và trong quá trình hoạt động cá nhân của họ [3]. Như vậy, các nghiên cứu đều nhấn mạnh quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp của GVMN chịu sự ảnh hưởng bởi quá trình học tập, rèn luyện cũng như sự nỗ lực của cá nhân trong quá trình đào tạo. Vì vậy, để hình thành nhân cách nghề nghiệp GVMN nói chung, phát triển năng lực nghề nghiệp GVMN nói riêng, cần trải qua các giai đoạn học tập, mỗi giai đoạn sẽ hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết. Trong đó,

---

Ngày nhận bài: 2/9/2021. Ngày sửa bài: 29/9/2021. Ngày nhận đăng: 10/10/2021.

Tác giả liên hệ: Lê Thị Huyền. Địa chỉ email: [lethihuyen@hdu.edu.vn](mailto:lethihuyen@hdu.edu.vn)

giai đoạn học ở trường sư phạm [4] có vai trò quan trọng để hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp của GVMN. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo không chỉ phụ thuộc vào khối lượng tri thức mà sinh viên (SV) tiếp thu được thông qua hình thức trên lớp học, mà còn phụ thuộc vào kết quả của việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP) với nhiều nội dung, hình thức khác nhau (kiến tập, thực tập, thực tế, hội thảo, thi nghiệp vụ sư phạm, thực hành bộ môn, seminar, câu lạc bộ...), tăng cường cơ hội rèn luyện tay nghề, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo; SV không những học tập lí thuyết mà còn rèn luyện năng lực nghề nghiệp trong điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Đó cũng là nội dung chính mà tác giả đề cập trong bài viết, làm rõ những năng lực cần rèn luyện cho sinh viên ngành giáo dục theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp, trên cơ sở đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Mầm non trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non

- Vấn đề cốt lõi trong đổi mới giáo dục hiện nay là dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học. “Năng lực là tổ hợp phức tạp những thuộc tính tâm lí của mỗi người phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó diễn ra có kết quả” [5; tr. 334].

Nội hàm của khái niệm cho thấy, năng lực của con người là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân để thực hiện được các hoạt động trong nghề theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ và công việc đó.

Như vậy, người có năng lực về một lĩnh vực nào đó cần có các tiêu chí cơ bản sau:

- + Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực đó;
- + Có kĩ năng để thực hiện được các hoạt động trong nghề theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ và công việc đó;
- + Hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống.

- *Năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non*

NLNN của GVMN được quy định trong Chuẩn nghề nghiệp GVMN. Đây “là hệ thống phẩm chất, năng lực mà giáo viên cần đạt được để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non” [6]. Để đạt chuẩn nghề nghiệp, GVMN cần phải đạt chuẩn về phẩm chất và năng lực nghề nghiệp (Năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm).

Theo tác giả Cù Thị Thủy [4, tr. 36], “Năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non là tổ hợp các thuộc tính sinh lí, tâm lí và xã hội của cá nhân, cho phép họ thực hiện thành công nhiệm vụ chăm sóc - giáo dục trẻ, ứng xử đạo đức và giao tiếp văn hóa trong hoạt động nghề của mình”.

Như vậy, NLNN của GVMN bao gồm năng lực về chuyên môn (có kiến thức về tâm sinh lí lứa tuổi, kiến thức về chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ...); năng lực sư phạm (năng lực về lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho trẻ, năng lực về quản lí lớp học,...) để thực hiện nhiệm vụ đặc thù của GVMN là chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non.

- Phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non

Phát triển nghề nghiệp GVMN là một khái niệm được các nhà nghiên cứu quan tâm và có quan điểm khác nhau về nội hàm của nó:

Yang, MC (2008) cho rằng sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên mầm non cần phải chuyên nghiệp, độc lập, tự ý thức và suốt đời [7].

Theo Jiang, Y. (2015), sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên mầm non, không chỉ “Đạt được” và “Hành động” mà còn phải chú ý đến “Sự trưởng thành về tinh thần” của giáo viên mầm non [1].

Wang, S. (2017) tin rằng sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên mầm non cũng là một quá trình mà giáo viên mầm non, với tư cách là chủ thể học tập trong thời đại mới, có thể xây dựng một cách có ý thức, chủ động và bền vững các quan niệm giáo dục của họ và điều chỉnh hành vi giáo dục của họ, từng bước đạt chuẩn giáo viên mầm non [8].

Dưới góc độ tiếp cận khác nhau các nhà nghiên cứu đều có điểm chung về sự phát triển nghề nghiệp của GVMN là *một quá trình diễn ra suốt đời trong đó giáo viên mầm non với tư cách là một chủ thể học tập nhằm đạt được những tri thức, chủ động điều chỉnh hành vi và trưởng thành về tâm lý.*

## **2.2. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp**

### **2.2.1. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm**

Một trong các khâu có tính quyết định đến phát triển NLNN đó chính là quá trình RLNVSP. Thông qua hoạt động RLNVSP, giúp sinh viên biết vận dụng giữa lí thuyết vào thực tế ngành nghề; SV có cơ hội được trao đổi, học hỏi, rèn luyện những kĩ năng nghề nghiệp, các kĩ năng đặc thù của nghề; tạo môi trường và trao cơ hội cho SV thỏa sức thể hiện sức sáng tạo trong các hoạt động rèn nghề, giúp SV củng cố tri thức, rèn luyện sự tự tin, kĩ năng mềm... để sẵn sàng cho việc trở thành nhà giáo trong tương lai.

Theo Từ điển tiếng Việt: “Rèn luyện là tập cho quen” hoặc “Rèn luyện là dạy và tập cho nhiều để thành thông thạo” [9].

Như vậy, có thể hiểu, *rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là quá trình sinh viên tập làm và luyện tập thường xuyên hệ thống những năng lực sư phạm trên cơ sở củng cố, mở rộng, đào sâu những tri thức về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, giúp sinh viên thuần thục công việc chuyên môn của nghề dạy học.*

### **2.2.2. Con đường hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên ngành sư phạm**

- Thông qua hình thức dạy và học của GV và SV, giúp SV lĩnh hội kiến thức hình thành năng lực chuyên môn là cơ sở cho quá trình hình thành, rèn luyện và phát triển năng lực sư phạm cho SV.

- Thông qua việc tự chiếm lĩnh kiến thức của SV (Tự học, tư tìm hiểu, khám phá) hình thành củng cố năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho SV.

- Thông qua các hình thức rèn nghề (Kiến tập, thực tập, thực hành thường xuyên, thực tế, các hội thi, hội thảo, xemina, nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ...), nhằm rèn luyện và phát triển năng lực sư phạm cho SV.

### **2.2.3. Những năng lực cần rèn luyện cho sinh viên ngành giáo dục theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp**

Do đặc thù riêng về ngành nghề quy định, GVMN vừa là cô, vừa là mẹ để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; hướng tới mục tiêu giúp trẻ em phát triển toàn diện về nhân cách. Vì vậy, trong quá trình đào tạo cần hình thành và rèn luyện cho SV những năng lực cần thiết, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phù hợp với nhu cầu thực tiễn và hướng tới Chuẩn nghề nghiệp GVMN trong giai đoạn hiện nay [6], [10]. Cụ thể:

#### *\* Năng lực chuyên môn*

- Kiến thức cơ bản về giáo dục mầm non: Những hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm lí, sinh lí trẻ lứa tuổi mầm non; giáo dục hòa nhập trẻ tàn tật, khuyết tật; chương trình giáo dục mầm non;

kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ.

- Kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non: Những kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, kỹ năng tự phục vụ cho trẻ; hiểu biết về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ; có kiến thức về một số bệnh thường gặp ở trẻ, cách phòng bệnh và xử lý ban đầu.

- Kiến thức cơ sở chuyên ngành: Những kiến thức về phát triển thể chất; kiến thức về hoạt động vui chơi; kiến thức về tạo hình, âm nhạc và văn học; kiến thức môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và phát triển ngôn ngữ.

- Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non: Những kiến thức về phương pháp phát triển thể chất cho trẻ; phương pháp phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức và của trẻ; phương pháp phát triển tình cảm – xã hội và thẩm mỹ cho trẻ; kiến thức về phương pháp tổ chức hoạt động chơi cho trẻ.

- Kiến thức về sử dụng một số phương tiện nghe nhìn trong giáo dục; kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ để vận dụng trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Ngoài ra, những hiểu biết về chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội; kiến thức về giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống một số tệ nạn xã hội...

*\* Năng lực sư phạm*

- *Năng lực lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ*

+ Năng lực lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học; theo tháng, tuần thể hiện mục tiêu và nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ của lớp mình phụ trách;

+ Năng lực lập kế hoạch hoạt động một ngày theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực của trẻ;

+ Năng lực lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ.

- *Năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ*

+ Năng lực tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ;

+ Năng lực tổ chức giấc ngủ, bữa ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ;

+ Năng lực hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ;

+ Năng lực phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ.

- *Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ*

+ Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ;

+ Năng lực tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với điều kiện của nhóm, lớp;

+ Năng lực sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi (kể cả đồ dùng, đồ chơi tự làm) và các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ;

+ Năng lực quan sát, đánh giá trẻ và có phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp.

+ Năng lực tổ chức thành thạo các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ; ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ;

- *Năng lực quản lý lớp học*

+ Năng lực xây dựng và thực hiện quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ.

+ Năng lực quản lý và sử dụng có hiệu quả hồ sơ, sổ sách cá nhân, nhóm, lớp;

+ Năng lực sắp xếp, bảo quản đồ dùng, đồ chơi, sản phẩm của trẻ phù hợp với mục đích chăm sóc, giáo dục.

- Năng lực giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng hướng tới phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng
- + Năng lực giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm;
- + Năng lực giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp một cách chân tình, cởi mở, thẳng thắn;
- + Năng lực hợp tác trong giao tiếp, ứng xử với cha mẹ trẻ;
- + Năng lực giao tiếp, ứng xử với cộng đồng trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.

## **2.3. Vài nét thực trạng về công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Khoa Giáo dục mầm non, Trường Đại học Hồng Đức**

### **2.3.1. Ưu điểm**

Hàng năm, khoa đã chủ động điều chỉnh chương trình, bổ sung các học phần rèn nghề, hướng mục tiêu phù hợp với chuẩn đầu ra và Chuẩn GVMN hiện nay. GV đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực người học. Nhiều GV chủ động tiếp cận các quan điểm dạy học hiện đại vận dụng trong dạy học. Khuyến khích SV tham dự Hội thảo khoa học các cấp, tham gia nghiên cứu khoa học. Tổ chức kiên tập sư phạm, thực tập tốt nghiệp, thực tế và thực hành thường xuyên (ở mỗi học phần) tại các trường mầm non công lập.

### **2.3.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những mặt đã làm được, công tác rèn luyện nghiệp vụ của khoa nhằm phát triển NLNN cho SV vẫn tồn tại những vấn đề như: Thiếu môi trường khuyến khích tính chủ động, sáng tạo từ GV và SV. Số ít GV, trong quá trình giảng dạy chưa quan tâm đúng mức đến việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV; thiếu sự cập nhật những quan điểm giáo dục trẻ hiện nay và sự gắn kết với thực tiễn tại các cơ sở giáo dục mầm non để vận dụng trong quá trình rèn nghề cho SV. Ngoài ra, vẫn có những SV chưa chủ động tham gia vào các hoạt động rèn nghề... dẫn đến khi ra trường thiếu năng lực trong lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ...; đặc biệt là khả năng giải quyết các tình huống sư phạm còn cứng nhắc, thiếu linh hoạt, sáng tạo; kỹ năng mềm còn hạn chế...

## **2.4. Giải pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp**

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới GDMN và phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; xuất phát từ thực tiễn quá trình RLNVSP của đơn vị, tính đặc thù trong thực hiện nhiệm vụ của GVMN, cũng như những năng lực cần hình thành và rèn luyện cho SV, công tác RLNVSP cho SVMN cần có những giải pháp mang tính đặc thù và được tiến hành đồng bộ:

### **2.4.1. Thứ nhất: Cải tiến chương trình và đổi mới trong tổ chức thực hiện chương trình theo định hướng phát triển năng lực**

- Khi cải tiến Chương trình đào tạo, đơn vị cần bám sát vào những năng lực cần phát triển cho SV để điều chỉnh, tăng cường số tín chỉ cho các học phần rèn nghề; bổ sung các học phần mới để cập nhật tính phù hợp với quan điểm giáo dục hiện nay, hướng mục tiêu phù hợp với chuẩn đầu ra và Chuẩn GVMN.

- Chương trình đào tạo cần được trưng cầu ý kiến từ các chuyên gia, các bên liên quan (Sở Giáo dục & Đào tạo; phòng Giáo dục Mầm non; các trường mầm non, người học) thông qua phiếu hỏi, Xemina, hội thảo,... để bổ sung, điều chỉnh, cập nhật những kiến thức phù hợp vào Chương trình đào tạo.

- Khuyến khích GV sử dụng phương pháp dạy học tích cực (kỹ thuật “Các mảnh ghép”, kỹ thuật “Động não”, kỹ thuật “Sơ đồ tư duy”...) trong dạy học. Đặc biệt, vận dụng phương pháp dạy học “lớp học đảo ngược” đáp ứng việc dạy và học qua Online trong diễn biến hiện nay; tăng cường truyền cảm hứng cho sinh viên về các hoạt động rèn nghề; tăng cường làm việc nhóm với SV.

- Tăng cường kết nối với cơ sở GDMN để tổ chức các hoạt động mẫu; khuyến khích GV tại các trường MN tham gia các hoạt động do khoa tổ chức (Hội thảo, xemina, thi nghiệp vụ sư phạm; tham gia tổ chức câu lạc bộ,...), tạo được sự đồng bộ trong quá trình đào tạo, tránh việc SV bị lúng túng trong việc gắn giữa lí thuyết với thực tiễn trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Tạo các trang kết nối giữa các tổ chức trong khoa, GV, SV, các trường mầm non, cựu sinh viên qua Zalo, facebook, ... để tiếp thu những ý kiến về chương trình đào tạo, phương pháp dạy học hay công tác kiến, thực tập để khoa kịp thời điều chỉnh sao cho phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của người học.

#### **2.4.2. Thứ hai: Đổi mới công tác thực hành, kiến tập, thực tập cho sinh viên**

- Hàng năm đơn vị cần rà soát các cơ sở thực hành, kiến tập, thực tập thông qua các tiêu chí về (Môi trường vật chất, môi trường tinh thần, năng lực GV, chất lượng trên trẻ...) để xây dựng mạng lưới trường mầm non đảm bảo, làm cơ sở kiến, thực tập cho sinh viên;

- Cần đổi mới tư duy trong lựa chọn cơ sở kiến, thực tập ngoài các trường mầm non Công lập đại diện cho các vùng miền, cần kết hợp lựa chọn các trường mầm non Tư thực, các mô hình giáo dục trẻ mầm non theo phương pháp tiếp cận các quan điểm giáo dục trẻ hiện đại, giúp sinh viên có cơ hội được trải nghiệm với nhiều mô hình giáo dục và dễ dàng thích nghi với sự đa dạng của môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

- Kết hợp với các cơ sở GDMN xây dựng, triển khai kế hoạch, nội dung, hình thức kiến, thực tập cho SV trước khi đến các cơ sở GDMN. Đồng thời kết hợp tổ chức rút kinh nghiệm cho SV ngay sau mỗi đợt kiến tập, thực tập; làm cơ sở điều chỉnh quá trình đào tạo, chỉ đạo và thực hiện hiệu quả trong những đợt kiến, thực tập tiếp theo.

#### **2.4.3. Thứ ba: Xây dựng môi trường dạy và học tích cực trong giảng viên và sinh viên**

- Thay vì môi trường của sự điều khiển, cần xây dựng môi trường khuyến khích GV và SV tích cực, chủ động đề xuất những ý tưởng trong đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, các mô hình rèn nghề (Hội thi, hội thảo, Semina, sinh hoạt học thuật; kiến thực tập...). Chú trọng rèn các năng lực đặc thù cho SV của ngành (kĩ năng múa, hát, đàn dựng, tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ) thông qua các câu lạc bộ đặc thù như: Ban Hát – Múa – Dance, ban Dinh dưỡng, ban Mĩ thuật, ban MC – Truyền thông, và thu hút sinh viên tham gia thực hành, trải nghiệm, qua đó rèn luyện kĩ năng nghề và phát triển các kĩ năng mềm.

- Mỗi GV dựa vào tính chất của từng học phần, xây dựng và thiết kế các nội dung rèn luyện kĩ năng nghề dưới hình thức các tình huống hay các chủ đề gắn với thực tiễn giáo dục và được thể hiện dưới nhiều hình thức như thảo luận, phản biện, giải quyết tình huống qua việc đóng vai, tập tổ chức hoạt động trên trẻ,... để SV có cơ hội được trau dồi kiến thức, sự hiểu biết, rèn luyện các kĩ năng nghề nghiệp.

- Tham gia dự giờ tại các trường mầm non. Đặc biệt là trong các đợt thi giáo viên giỏi các cấp tại các trường mầm non để trao đổi, góp ý và thống nhất về chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non.

- GV, SV cần chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động, phong trào, Hội thi, Câu lạc bộ ... để rèn luyện kĩ năng nghề, kĩ năng mềm, phát triển năng lực nghề nghiệp. Chủ động tạo lập các nhóm hỗ trợ học tập, giúp đỡ nhau trực tiếp, qua zalo, Facebook ...

- GV chủ động tiếp cận các quan điểm giáo dục trẻ hiện đại (Montessori, Reggio Emilia, Steiner, Stem, Steam...), vận dụng vào bài giảng, định hướng giúp SV tiếp cận kiến thức phù hợp với yêu cầu của ngành và xã hội hiện nay.

- Các tổ chức trong đơn vị phát động các cuộc thi với hình thức cá nhân, tập thể trong xây dựng ý tưởng, thiết kế và tổ chức các hình thức rèn nghề. Biểu dương kịp thời những gương

điền hình đối với những GV, SV tích cực và có những ý tưởng, sáng kiến trong các hoạt động rèn nghề; đồng thời lan tỏa những gương sáng để khuyến khích GV, SV trong hoạt động.

### 3. Kết luận

RLNVSP là giúp cho SV hình thành một cách hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp trên cơ sở vận dụng, củng cố, mở rộng, đào sâu những tri thức về chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần hình thành kỹ năng sư phạm, nâng cao tinh thần trách nhiệm và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho SV. GV phải có kiến thức mà không biết chuyển tải kiến thức (năng lực sư phạm, kỹ năng nghề nghiệp,...) thì hiệu quả của giáo dục không cao. Điều đó cho thấy, việc RLNVSP cho SV là một trong những nội dung quan trọng và không thể thiếu trong quá trình đào tạo của mỗi Nhà trường. Mỗi tập thể, cá nhân tham gia quá trình đào tạo, cần hiểu rõ phương châm dạy học là trao cho SV niềm tin, tình cảm, tri thức và năng lực tiếp cận tri thức; từ đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác RLNV cho SV, phối hợp trong quá trình đào tạo; giúp SV gắn kết đượ lý thuyết và thực tiễn theo nguyên tắc “học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền với thực tiễn”, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp cho SV nói riêng, chất lượng đào tạo của Khoa và của Nhà trường nói chung.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jiang, Y., 2015. *Professional Development of Kindergarten Teachers*. Higher Education Press, Beijing, 34-36.
- [2] Yu, F., 2015. *Research on Professional Development of Preschool Teachers Supported by Information Technology - Take the Kindergarten-Based Teaching Research of Information Technology Support "Observation and Evaluation of Children's Mathematics Learning" as an Example*. PhD Thesis, East China Normal University, Shanghai. <http://kns.cnki.net/kns/brief/result.aspx?dbPrefix=SCDB>
- [3] Chen, J.J., 2007. *A Study on the Kindergarten Environmental Factors Affecting Preschool Teachers' Professional Development*. Master's Thesis, Guangzhou University, Guangzhou. [http://www.wanfangdata.com.cn/details/detail.do?\\_type=degree&id=Y1160935](http://www.wanfangdata.com.cn/details/detail.do?_type=degree&id=Y1160935)
- [4] Cù Thị Thủy, 2017. Năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non, *Tạp chí Giáo dục* số 419, tr35 -37.
- [5] Phạm Minh Hạc (cb), 1997. *Tâm lý học đại cương*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008. Quyết định Số: 26/2018/TT-BGDĐT ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018, quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.
- [7] Yang, M.C., 2008. *Topic Research and Preschool Teachers' Professional Development—A Case Study of K Kindergarten in Lanzhou*. Master's Thesis, Northwest Normal University, Gansu.
- [8] Wang, S., 2017. *Research on Current Situation and Promotion Strategies of Kindergarten Teachers' Professional Development in Nanshan District of Shenzhen City*. Master's Thesis, Shenzhen University, Shen-zhen. <http://cdmd.cnki.com.cn/Article/CDMD-10590-1017812131.htm>
- [9] Hoàng Phê, 1998. *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng.
- [10] Hồ Lam Hồng, 2012. *Nghề giáo viên mầm non*. Nxb Giáo dục.

Lê Thị Huyền

**ABSTRACT**

**Improving the quality of pedagogical training  
for preschool students in the direction of developing professional capacity  
to meet current educational innovation requirements**

Le Thi Huyen

*Department of Early Childhood Education, Hong Duc University*

The Personality in general, and the professional competence of preschool teachers in particular, is formed and developed through stages of learning and professional activities. Each stage will develop the necessary competencies. The article is based on clarifying the professional competencies that need to be trained for Kindergarten students during the training process, thereby proposing solutions to improve the program and organize its implementation; innovation in practice and training for students; building a positive teaching and learning environment,... in order to develop professional capacity for students of the Department of Early Childhood Education, Hong Duc University, meet the current requirements of reforming early childhood education too.

**Keywords:** pedagogy, professional capacity, professional capacity development, preschool students.